

1. **PHẦN 2: BÀI TẬP TÌNH HUỐNG VÀ ĐÁP ÁN THI VẤN ĐÁP**
MÔN TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

Tình huống 1: Ngân hàng A cho công ty B vay vốn để kinh doanh, thời hạn vay từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2000. Ngân hàng C phát hành bảo lãnh cho giao dịch nói trên. cuối tháng 12 năm 2000, ngân hàng C được yêu cầu thực hiện bảo lãnh từ phía ngân hàng A. Anh chị hãy cho biết:

a- Các thành phần trong quan hệ bảo lãnh nói trên.

b- Cách xử lý của ngân hàng C trước yêu cầu của ngân hàng A.

Đáp án:

a- Các thành phần trong quan hệ bảo lãnh: nêu rõ từng thành phần.

b- Nhận định tình huống: đây là dạng bảo lãnh nợ vay.

Xử lý của ngân hàng bảo lãnh: không giải quyết vì đã hết thời hạn hiệu lực của bảo lãnh, hoặc là hợp đồng gốc đã được điều chỉnh thời hạn mà không thông báo cho ngân hàng bảo lãnh biết, nên ngân hàng bảo lãnh mặc nhiên được giải phóng khỏi nghĩa vụ trả nợ.

Tình huống 2: Ngày 01/04/2000 doanh nghiệp A bán chịu cho doanh nghiệp B lô hàng trị giá 200trđ. Ngay sau khi nhận được hối phiếu từ doanh nghiệp B, doanh nghiệp A đã đến ngân hàng để nghị chiết khấu. Ngân hàng chấp nhận chiết khấu và giao cho doanh nghiệp A một số tiền: 199trđ.

Theo thông báo của ngân hàng:

- Lãi suất chiết khấu: 1,5%/tháng.

- Hoa hồng phí: 0,5trđ.

- Ngày làm việc của ngân hàng: 01 ngày.

- Thời hạn mua bán chịu ghi trong hợp đồng: 90 ngày.

YÊU CẦU:

a- Xác minh mệnh giá của hối phiếu.

b- Xác định lãi suất mua bán chịu giữa doanh nghiệp A và doanh nghiệp B?

Đáp án:

a- Xác định mệnh giá của hối phiếu:

$$199 = MG - (MG * 1,5\%/30 * 90) - 0,5$$

$$\Rightarrow MG = 208,9 \text{ trđ}$$

b- Xác định lãi suất mua bán chịu:

$$(208,9 - 200)/200 * 100 = 4,45\%/3 \text{ tháng (90 ngày)} = 1,48\%/tháng$$

Tình huống 3: Hồ sơ tín dụng của khách hàng sau khi xếp hạng, trong những trường hợp nào giám đốc ngân hàng sẽ ký chuyển sang bộ phận TRUY HỒI TÀI SẢN (Bộ phận xử lý không phải ngăn ngừa) và ý nghĩa của hành vi này – Là vấn đề gây tranh cãi nhiều và chưa thống nhất được trong một cuộc hội thảo, cả về trường hợp cả về cách giải thích. Anh chị cho ý kiến kết luận hội thảo về vấn đề này – Nếu là người chủ trì cuộc hội thảo?

Đáp án: Hồ sơ tín dụng sau khi được xếp hạng, sẽ chuyển sang bộ phận TRUY HỒI TÀI SẢN trong 3 trường hợp sau đây:

a- Hồ sơ xếp hạng IV (sinh viên gọi tên của hạng)

b- Hồ sơ xếp hạng IV & sau khi ngăn ngừa nhưng không thành công (sinh viên gọi tên và giải thích).

c- Khách hàng đang ở loại IV và V nhưng bất hợp tác hoàn toàn khi ngân hàng muốn thực hiện phương án ngăn ngừa.

Ý nghĩa của việc Giám đốc ngân hàng ký chuyển hồ sơ sang bộ phận TRUY HỒI TÀI SẢN là: Việc thu hồi nợ tiến hành càng nhanh càng tốt. Mỗi quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng không còn cơ sở để tồn tại nữa – tức là sẵn sàng chấp nhận mất khách.

Tình huống 4: Ủy ban nhân dân tỉnh H có nhu cầu xây dựng một công trình văn hóa phục vụ nhân dân trong tỉnh. Hãy cho biết những rủi ro có thể gặp phải khi Ngân hàng cung cấp sản phẩm bảo lãnh và những loại bảo lãnh ngân hàng nên áp dụng trong suốt quá trình thực hiện từ khi chọn đối tác cho đến khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

Đáp án:

- a- Khâu tổ chức đấu thầu: người dự thầu vi phạm quy định đấu thầu ==> bảo lãnh dự thầu.
- b- Khâu thi công công trình: người thi công không thực hiện đúng tiến độ hoặc chất lượng công trình quá kém ==> bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
- c- Khâu hoàn thành đưa vào sử dụng: chất lượng công trình không bảo đảm ==> bảo lãnh chất lượng sản phẩm.
- d- Nếu có hành vi ứng trước tiền cho bên thi công thì có thể có bảo lãnh hoàn thanh toán.

CANON - HÀNG CHÍNH HÃNG - BẢO HÀNH CHÍNH HÃNG



Tình huống 5: Xác định lưu chuyển tiền tệ ròng của một doanh nghiệp với các số liệu sau:

- a- Doanh thu bán hàng trong kỳ: 100
trong đó khách hàng nợ lại: 25
- b- Thu nợ kỳ trước: 15
- c- Chi mua hàng trong kỳ: 70
trong đó nợ lại khách hàng: 10
- d- Chi trả nợ kỳ trước: 2

Theo anh/chị, ngân hàng có thu đủ để trả nợ vay hay không, nếu trong kỳ khách hàng phải hoàn trả số nợ là 70 (cả gốc và lãi) và tỷ lệ thu là 70% tiền thu bán hàng.

Đáp án:

Thực thu tiền trong kỳ: $100 - 25 + 15 = 90$

Thực chi tiền trong kỳ: $70 - 10 + 2 = 62$

Tiền ròng trong kỳ: $90 - 62 = 28$

vì số thực thu tiền trong kỳ là 90, tỷ lệ thu là 70%, như vậy chỉ có thể thu được 63. Muốn thu đủ phải tăng tỷ lệ thu nợ lên.

Tình huống 6: Một công ty đề nghị ngân hàng A cho ứng trước vốn lưu động để thực hiện một thương vụ. Số liệu kế hoạch liên quan tới thương vụ như sau:

- a- Nguồn VLĐ tự tài trợ cho thương vụ của công ty: 800 trđ.
- b- Nguồn vốn ngân hàng đủ đáp ứng nhu cầu vay của công ty.
- c- các giới hạn rủi ro mang tính định lượng theo yêu cầu của chính sách tín dụng ngân hàng này đối với thương vụ là chấp nhận được.
- d- Nhu cầu TSLĐ cho thương vụ 1200trđ.

Ngày 01/01/2000 khách hàng đề nghị giải ngân toàn bộ hạn mức của thương vụ.

YÊU CẦU:

- a- Xác định hạn mức tín dụng cho thương vụ? Các khả năng về cách thực hiện yêu cầu giải ngân của khách hàng?
- b- Các giới hạn rủi ro định lượng trong việc xác định hạn mức tín dụng cho vay gồm

những giới hạn nào?

Đáp án:

a- Xác định hạn mức tín dụng cho thương vụ:

- Nhu cầu vay ngân hàng = $1200 - 800 = 400$
- Nguồn và các giới hạn rủi ro chấp nhận được.
- Hạn mức tín dụng: 400trđ

b- Các giới hạn rủi ro định lượng trong việc xác định hạn mức tín dụng cần quan tâm:

- Giới hạn trên vốn ngân hàng.
- Giới hạn trên vốn ròng của khách hàng.
- Giới hạn trên giá trị tài sản đảm bảo/

Tình huống 7: Một hộ nông dân có nhu cầu vay vốn để trồng lúa với diện tích là 2 ha. hộ canh tác trên diện tích của gia đình với 2 lao động chính. Số tiền vay là 2,5 trđ để mua giống (tại trạm giống, cây trồng huyện). Là cán bộ tín dụng, anh/chị có chấp nhận số tiền vay này không? Cho ý kiến về hướng giải ngân? Biết rằng định mức cho loại hộ vay này là 1,8 trđ/vụ/ha.

Đáp án:

a- Nhu cầu vay nhỏ hơn định mức ($2 \times 1,8 \text{ trđ} = 3,6 \text{ trđ}$). Đối tượng vay hợp lý ==> có thể chấp nhận cho vay 2,5 trđ.

b- Thường thì ngân hàng cấp tiền tuy nhiên nếu vay theo tổ có cùng mục đích mua giống mới thì ngân hàng có thể ký hợp đồng chuyển tiền cho trạm giống cây trồng huyện sau khi khách hàng được cung cấp giống theo đúng yêu cầu.

Tình huống 8: Gia đình ông Văn muốn vay để nuôi heo nái. Sau khi thẩm định cán bộ tín dụng ghi nhận một số dữ liệu như sau: gia đình chuyên trồng lúa và đủ ăn, có quyền sử dụng đất là 1 ha, ông văn là lao động chính, vợ nội trợ. Phương án vay có hiệu quả. Hộ dự định nuôi heo ở khoảnh đất sau nhà nhưng chưa dựng chuồng. Là cán bộ tín dụng anh/chị có cho vay không? Giải thích?

Đáp án:

a- Ngân hàng chưa thể chấp thuận cho vay, vì nếu vay ngắn hạn để chăn nuôi hộ cần có chuồng trại, và tự lo một phần thức ăn.

b- Có thể vay trung dài hạn bao gồm cả chi phí chuồng trại, giống và một phần thức ăn.

Tình huống 9: Định mức cho vay nuôi tôm nước lợ là 10trđ/ha mặt nước với thời hạn tối đa là 18 tháng. Gia đình ông Nguyễn dự kiến vay bổ sung tôm giống hao hụt. Dự kiến trong ba tháng tới ông sẽ thu hoạch đợt đầu 7 tạ, đợt hai 15 tạ, với giá bán 5,6trđ/tạ. Bạn sẽ cho vay:

a- 20trđ với thời hạn 18 tháng? Hay

b- 50trđ với thời hạn 4 tháng? và giải thích? Biết diện tích mặt nước nuôi là 2 ha và chưa vay ngân hàng.

Đáp án:

a- PA1: chọn (a) vì trong hạn mức tín dụng và có thể rút ngắn thời hạn do hộ đã đầu tư trước đó, hơn nữa không đảm bảo tín dụng.

b- PA2: chọn (b) chỉ khi giá tôm giống lên và có tài sản đảm bảo vì mức tiền vay quá lớn vượt định mức.

Tình huống 10: Cho các số liệu sau:

- Doanh thu thuần trong năm: 1000 trong đó giá vốn hàng bán chiếm 80%.

- Số dư tồn kho: Đầu năm: 300

Cuối năm: 340

Anh/chị hãy xác định thời hạn vay tối đa trong trường hợp:

a- Cho vay đối tượng nợ phải thu.

b- Cho vay đối tượng hàng tồn kho.

Đáp án:

a- trước hết phải tính kỳ thu tiền bình quân và thời gian lưu kho bình quân.

Kỳ thu tiền bình quân = $\{360 * (180+220)/2\}/1000 = 72$ ngày.

Như vậy thời hạn cho vay tối đa cho nợ phải thu là 72 ngày.

b- Thời gian lưu kho bình quân = $[360 * (300+340) 2]/1000 * 80\% = 144$ ngày

Vậy thời hạn cho vay tối đa đối với hàng tồn kho là 144 ngày.

Tình huống 11: Ngân hàng có thể cho doanh nghiệp vay 80 không khi doanh nghiệp đề nghị vay vốn có các dữ kiện liên quan sau đây:

a- Khả năng vốn cần thiết (đã được ngân hàng thẩm định): 100

b- Khả năng tự đáp ứng bằng các nguồn khác: 20

c- Bất động sản thế chấp, được ngân hàng định giá: 250

d- Môi trường kinh doanh an toàn cho phép.

Đáp án:

Ngân hàng có thể chấp nhận cho khách hàng vay 80 khi:

a- Khách hàng hội đủ các điều kiện vay vốn.

b- Mức cho vay của ngân hàng không vượt quá 15% vốn, quỹ của ngân hàng và quỹ cho vay của ngân hàng cho phép.

(Sv nêu được công thức xác định mức tiền cho vay và giải thích được con số 80, giới hạn cho vay theo giá trị TSDB).

Tình huống 12: Doanh nghiệp được ngân hàng thỏa thuận HMTD quý I-2000 là 800. Diễn biến TKVL của doanh nghiệp trong quý I như sau:

Ngày Phát sinh nợ Phát sinh có Số dư

Dư đầu Dư có 200

1/1 500

20/1 600 100

10/3 1000

25/3 100

30/3 200

Doanh số trả nợ thực tế của doanh nghiệp trong quý là số nào: 1100, 1300, 900? Tại sao?

Đáp án:

Doanh nghiệp trả nợ là 900.

- Các phát sinh có trên TKVL nếu = hoặc < dư nợ là doanh số trả nợ.

- Các phát sinh có trên TKVL nếu > dư nợ thì dư có tại đó là tiền gửi của khách hàng.

Vì vậy trong trường hợp trên:

- Phát sinh có 100 (ngày 20/1) là doanh số trả nợ.

- Phát sinh có 1000 (ngày 10/3) bao gồm: doanh số trả nợ 800 và tiền gửi của khách hàng 200.

Tình huống 13: Một doanh nghiệp ngày 1/2/20xx đề nghị chiết khấu ở ngân hàng 3 hối phiếu không ghi lãi suất, trả tiền ngay khi xuất trình. Các số liệu liên quan đến hối phiếu như sau: (theo thứ tự – đvt: triệu đồng).

- Mệnh giá: 120, 70, 90
- Thời hạn hối phiếu: 90, 90, 80 ngày
- Ngày ký phát: 1/1, 15/1, 1/2

- Ngày làm việc của ngân hàng được tính bằng 0
- Hoa hồng phí tính chung cho cả 3 hối phiếu là 0,1 trđ

Ngân hàng xét duyệt và chấp nhận chiết khấu với số tiền giao cho khách hàng 275 trđ. Yêu cầu:

- a- Các hối phiếu ngân hàng đã chấp nhận chiết khấu đã hội đủ những tiêu chuẩn nào?
- b- Xác định lãi suất chiết khấu – theo năm?

Đáp án:

- a- Các hối phiếu ngân hàng đã chấp nhận chiết khấu phải hội đủ những tiêu chuẩn sau:

- Hợp lệ về mặt hình thức.
- Không giả về mặt nội dung.
- Người thụ hưởng và những người liên quan có năng lực trả nợ.
- Chấp nhận giá chiết khấu.

- b- Xác định lãi suất chiết khấu theo năm.

- Ngày chiết khấu của từng hối phiếu.

$$HP1: 90 - 31 = 59$$

$$HP2: 90 - 17 = 73$$

$$HP3: 80 - 0 = 80$$

- Gọi i là lãi suất chiết khấu theo ngày, ta có:

$$275 = 120 (120 * i * 59) + 70 - (70 * i * 73) + 90 (90 * 180) - 0,1$$

$$\text{lãi suất chiết khấu theo năm} = 9,097\%$$

Tình huống 14: Quá trình tranh luận về chất lượng tín dụng ở một ngân hàng, bàn về việc xếp hạng và đánh giá khách hàng, còn hai vấn đề không thống nhất được:

- 1- Sau một tháng cho vay, khi xếp hạng lại cho khách hàng ở cuối tháng: Một hồ sơ có ký hiệu I.F và một hồ sơ ký hiệu VI.A – Hồ sơ nào có chất lượng tốt hơn?

- 2- Khi hồ sơ rơi vào hạng VI có nên dùng các giải pháp ngăn ngừa không?

Anh/ chị cho ý kiến của mình – có lý giải với mọi người?

Đáp án:

- 1- Nên nhớ rằng: Ở thời điểm ra quyết định cho vay hồ sơ phải ở một mức độ nào đó (thông thường ở loại 1,2,3) Sau một tháng có sự thay đổi do nhiều nguyên nhân, với đặc trưng của từng hạng (I và VI) giữa hai hồ sơ I.F và VI.A thì hồ sơ I.F có chất lượng tốt hơn (sinh viên phân tích theo hướng này).

- 2- Khi hồ sơ rơi vào hạng VI không nên dùng các biện pháp ngăn ngừa, do đặc trưng của loại VI tạo ra điều đó. Ngay lập tức phải dùng các biện pháp xử lý – chỉ lưu ý rằng: trong các giải pháp xử lý này nên dùng các giải pháp thuộc nhóm khai thác hay nhóm thanh lý mà thôi. Điều này phụ thuộc vào 4 yếu tố:

- Ý chí trả nợ và sự thật thà của khách hàng.
- Chi phí bỏ ra thực hiện việc xử lý so với dư nợ thu về được,
- Thái độ của các chủ nợ khác về ngân hàng.
- Mức độ nghiêm trọng của hồ sơ, xét theo khía cạnh tổn thất của nó.

Tình huống 15: Một doanh nghiệp có nhu cầu vay thực hiện phương án kinh doanh và gửi đến ngân hàng các giấy tờ sau:

- Phương án kinh doanh.
- Hợp đồng với bên mua.

- Báo cáo tài chính 3 quý liên tiếp.
- Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp.

Yêu cầu: Khách hàng cần bổ sung các giấy tờ, thủ tục gì? Nêu ý nghĩa của các thủ tục đó.

Đáp án:

Khách hàng cần bổ sung các giấy tờ:

- Giấy đề nghị vay vốn (nêu ý nghĩa).
- Giấy tờ liên quan đến đảm bảo tín dụng (nếu có), nêu ý nghĩa.

Tính huống 16: Doanh nghiệp X làm giấy đề nghị vay ngân hàng 500trđ để làm phương án kinh doanh và sử dụng nhà xưởng làm tài sản đảm bảo nợ vay. Sau khi thẩm định giá tài sản (bao gồm quyền sử dụng đất) được đánh giá là 750 trđ. Theo chính sách tín dụng thì mức cho vay tối đa đối với tài sản này là 60% giá trị tài sản. Anh/chị cho nhận xét nếu khách hàng được chấp nhận cho vay?

Đáp án:

- Theo chính sách tín dụng mức cho vay không vượt quá 450trđ ($750 \times 0,6 = 450$)
- Như vậy, phạm vi bảo đảm là 450trđ là cho vay không có bảo đảm bằng chính phương án kinh doanh của khách hàng.

Tình huống 17: Khi lãi suất chiết khấu của ngân hàng được công bố bằng lãi suất cho vay ngắn hạn là 8%/năm, thì lãi suất tín dụng thực (hiệu dụng) là bao nhiêu? Ngân hàng nên công bố lãi suất chiết khấu là bao nhiêu để lãi suất hiệu dụng bằng lãi suất cho vay ngắn hạn (8%)?

Đáp án:

- Khi lãi suất chiết khấu của ngân hàng được công bố bằng lãi suất cho vay ngắn hạn là 8%/năm, thì lãi suất thực (Lãi suất hiệu dụng – ir) là 8,7%/năm.

$$Ir = i_0 / (1 - i_0)$$

$$Ir = 0 / 0,92 = 0,087 = 8,7\%/năm.$$

- Trong trường hợp cần đạt đến mức lãi suất thực 8%/năm thì ngân hàng sẽ công bố lãi suất chiết khấu là 7,4%/năm.

$$Io = 1 - 1 / (1 + ir) = 1 - 1 / (1 + 8\%) = 7,4\% / năm.$$

Tình huống 18: Từ bảng CĐKT của một doanh nghiệp có các số liệu sau:

- Tiền: 200đvt
- Phải thu: 500
- Phải trả: 300
- Tồn kho : 1000
- Vay ngắn hạn: 700

Xác định khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của khách hàng và cho nhận xét.

Đáp án:

- Tài sản lưu động: 1700
- Nợ ngắn hạn: 1000
- Khả năng thanh toán ngắn hạn: $1700/1000 = 1,7$
- Khả năng thanh toán nhanh: $700/1000 = 0,7$
- Nhận xét: Khả năng thanh toán ngắn hạn tốt trong khi khả năng thanh toán nhanh không tốt bằng chứng tỏ doanh nghiệp bị ứ đọng hàng tồn kho.

Tình huống 19: Một hộ nông dân vay ngân hàng làm lúa hè thu với số tiền là 2,2 trđ. Nhưng

do lũ lụt bị mất mùa nên đến kỳ đáo hạn khách hàng này không thể trả nợ vốn ngân hàng. Hộ này xin gia hạn 6 tháng. Cán bộ tín dụng khi xuống thăm thấy hộ sẽ thu hoạch cá trong 2 tháng tới là 2,5trđ, 1 lứa heo xuất chuồng là 500kg trong tháng thứ 3. Chi phí cho sản xuất của hộ bình quân là 0,8trđ/tháng, chi phí cho sinh hoạt là 0,5trđ/tháng. Anh chị có chấp nhận gia hạn không? Thời gian gia hạn là bao lâu? Biết rằng giá heo hơi là 15000đồng/ kg. Đáp án:

Lý do không trả được là khách quan, bất khả kháng nên có thể gia hạn cho hộ với thời hạn không vượt quá một chu kỳ trồng lúa vụ tới. Tuy nhiên trong trường hợp này thời gian gia hạn không tới 6 tháng do:

a- Thu: - Từ bán cá: 2.500.000

- Từ bán heo: 7.500.000 (500 x 15000)

Công thu: 10.000.000

b- Chi: - Cho sản xuất: 2.400.000

- Cho sinh hoạt: 1.500.000

Công chi: 3.900.000

c- Thu nhập thuần của hộ trước khi trả nợ sau 3 tháng là 6.100.000 đủ để trả nợ ngân hàng. Vậy thời gian gia hạn là 3 tháng.

Tình huống 20: Ngày 5/7 doanh nghiệp X có nhu cầu vay thực hiện một thương vụ 100trđ với thời hạn 3 tháng. Từ hồ sơ vay cán bộ tín dụng thấy hàng hóa ngắn hạn mua vào được trả chậm 3 tháng kỳ hạn trả là 31/7. Hàng hóa bán ra trong các tháng 7,8,9,10 lần lượt là 50, 70, 70, 60 trđ. Trong đó bán chịu chiếm 25% tổng doanh thu. Anh chị có nhận xét về thời hạn xin vay?

Đáp án:

- Theo đề nghị thì khoản vay có kỳ đáo hạn là sang đầu tháng 10, như vậy khoản mua chịu thuộc nhu cầu vay là hợp lý.

- Nguồn trả nợ là khoản thu khách hàng: $(50 + 70 + 70) * 0,75 = 142,5$ trđ.

Vì vậy, khách hàng có thể hoàn trả nợ trong thời hạn 3 tháng nếu không phải chi nhiều vượt quá tỷ lệ $1 - 1/142,5 = 0,3$. Nếu vượt quá thì phải 4 tháng mới có đủ tiền trả nợ vay ngân hàng.

Tình huống 21: Ngày 30/04/20xx, sau khi xếp hạng lại hồ sơ vay của khách hàng A, Hồ sơ từ hạng III.B bị giảm xuống hạng IV.B, với lý do hàng tồn kho tăng so với kế hoạch trên 20% (con số ấn định của ngân hàng khi giảm hạng). Hãy cho đáp án về các chuyên môn sau:

1- Hồ sơ được chuyển sang bộ phận nào? Ý nghĩa?

2- Đưa giải pháp ngăn ngừa thích hợp nhằm nâng hạng hồ sơ vay ở những tháng sau?

Đáp án:

Các yếu tố chuyên môn của tình huống này giải quyết như sau:

1- Hồ sơ được chuyển sang bộ phận quản lý rủi ro cao – Bộ phận có chức năng ngăn ngừa các khoản nợ có vấn đề.

- Ý nghĩa:

+ tận dụng kỹ năng chuyên môn hóa của cán bộ chuyên môn hóa.

+ Giảm phí cơ hội bằng cách đem lại sự tập trung hoàn toàn vào công việc của mình, đối với cả nhân viên tín dụng và nhân viên quản lý rủi ro.

+ Dễ dàng áp dụng các biện pháp mạnh, nếu cần.

+ Đánh giá vấn đề có tính khách quan hơn.

2- Giải pháp ngăn ngừa:

Dùng giải pháp kiểm soát hàng tồn kho: mà giải pháp thông thường là khách hàng phải:

- Giảm thiểu giá bán hoặc
- Tăng mức chiết khấu.

Tình huống 22: Một nhân viên tín dụng sau khi đã phân tích rất kỹ càng các yếu tố định tính và định lượng của người vay – đã khẳng định món vay không thể xuất hiện rủi ro hoặc ở tình trạng có vấn đề. Trưởng phòng tín dụng của anh ta cũng khẳng định các yếu tố đã được phân tích là không hề sai sót, nhưng khuyến cáo có ít nhất 2 yếu tố độc lập nhau từ phía khách hàng làm khoản vay hoàn toàn có thể xuất hiện rủi ro trong quá trình thực hiện.

Anh/ chị hãy chỉ ra hai yếu tố đó và giải thích?

Đáp án:

Cho dù phân tích tín dụng kỹ đến đâu đi nữa, nguy cơ món vay trong quá trình thực hiện vẫn chứa đựng các yếu tố dẫn tới khoản nợ có vấn đề – riêng ở phía khách hàng, nguy cơ nằm trong quá trình phân tích và thực hiện, đó là:

- Ở giai đoạn phân tích, sự phân tích tín dụng của nhân viên tín dụng không thể đạt tới mức có thể dự đoán hoàn toàn chính xác về một khoản vay có được hoàn trả như đã thỏa thuận hay không – cả về góc độ định tính và định lượng (sinh viên phân tích bằng ví dụ).
- Ở giai đoạn thực hiện: ý chí trả nợ và khả năng trả nợ (phương án kinh doanh, năng lực tài chính, giá trị tài sản đảm bảo) của người vay hoàn toàn có khả năng thay đổi so với thời điểm phân tích tín dụng, vì đây là yếu tố KHÔNG TĨNH, hoàn toàn ĐỘNG. Sự thay đổi này có nhiều nguyên nhân (sinh viên phân tích bằng ví dụ).

Tình huống 23: Cán bộ tín dụng nhận được hồ sơ đề nghị cấp tín dụng từ khách hàng để thẩm định. Vậy cán bộ thẩm định cần làm gì trong giai đoạn phân tích tín dụng?

Đáp án:

- Kiểm tra lại tính chính xác, đầy đủ của các bộ hồ sơ đề nghị cấp tín dụng.
- Thẩm định các mảng theo điều kiện /tiêu chuẩn cấp tín dụng (SV nêu cụ thể đưa ví dụ như uy tín, năng lực vay, năng lực trả, nguồn trả...)
- Dự báo các rủi ro.
- Định giá tín dụng.
- Làm tờ trình/ lập biên bản thẩm định/ báo cáo.

Tình huống 24: Doanh nghiệp A hợp đồng xây nhà cho công ty B. Ngân hàng C phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng nói trên. Do A chậm trễ trong thi công nên công ty B yêu cầu ngân hàng C thực hiện cam kết bảo lãnh. Theo anh/chị, ngân hàng C sẽ xử lý thế nào sau khi tìm hiểu lý do của sự chậm trễ là do B không cung cấp đúng thời hạn một số vật liệu như đã thỏa thuận trong h7p5 đồng và đây là dạng bảo lãnh đồng nghĩa vụ.

Đáp án:

- Đây là loại bảo lãnh thực hiện hợp đồng do ngân hàng C phát hành cho công ty B hưởng, doanh nghiệp A là người được bảo lãnh.
- Ngân hàng C không thực hiện cam kết vì trong bảo lãnh đồng nghĩa vụ của ngân hàng bảo lãnh phụ thuộc nghĩa vụ chính của người được bảo lãnh. Ở đây, nghĩa vụ chính được miễn giảm do vi phạm của bên hưởng bảo lãnh, do vậy nghĩa vụ của ngân hàng cũng được giảm theo.

Tình huống 25: Ngày 1/9 công ty Anh Dương có nhu cầu thanh toán vật tư theo hợp đồng là 1200trđ. Vốn tự tài trợ 875 của công ty là 600trđ và công ty đề nghị vay 600trđ. Tuy nhiên, khi nghiên cứu hồ sơ tín dụng nhân viên ngân hàng thấy có một khoản mua chịu là 200trđ

điều chỉnh đến 1/12 mới đáo hạn.

Theo anh/chị số tiền cấp ra là bao nhiêu? Biết rằng khách hàng hội đủ các điều kiện vay vốn và khoản vay được đề nghị là 3 tháng.

Đáp án:

Phương án tối ưu là cấp 400trđ (1200 – 600 – 200) vì trong thời hạn vay khoản mua chịu cũng là một nguồn vốn của doanh nghiệp. Vấn đề là khoản mua chịu khi đáo hạn vào ngày 1/12 tùy thuộc vào khả năng tài chính lúc đó mà ngân hàng có thể cho vay chi trả.

Tình huống 27: Hạn mức tín dụng là bao nhiêu nếu:

- Nhu cầu tài sản lưu động bình quân trong kỳ của doanh nghiệp 100
- Nợ ngắn hạn phi Ngân hàng bình quân trong kỳ 30
- Doanh nghiệp phải tự duy trì VLD thường xuyên không dưới 30% HMTD của Ngân hàng đối với doanh nghiệp.

Đáp án:

HMTD là 53

1. Giá trị TSLĐ 100
2. Nợ ngắn hạn phi ngân hàng: 30
3. VTC Của Doanh nghiệp: 0,3 HTMTD (sinh viên cần viết công thức khi tính)
4. $HMTD = (1) - (2) - (3)$

Tình huống 28: Dự án của doanh nghiệp cho thấy lợi nhuận ròng ước tính hằng năm là 10 triệu đồng. Khấu hao tài sản cố định hằng năm của dự án là 5 triệu. Chia cổ tức hằng năm là 20% lợi nhuận ròng. Từ những thông tin này Anh/chị có thể xác định khả năng trả nợ vay Ngân hàng? Tại sao?

Đáp án:

Chưa thể xác định được khả năng trả nợ ngay vì còn thiếu nhiều thông tin phản ánh các nhu cầu trả các khoản nợ khác và hiệu quả hoạt động của các tài sản không phải là dự án. (sinh viên nêu phương pháp FATSATL)

Tình huống 29: Một doanh nghiệp đề nghị vay vốn lưu động theo hạn mức tín dụng và có phương án tài chính năm 20xx như sau:

Đơn vị: Triệu đồng.

Tài sản Giá trị Nguồn vốn Giá trị

- Tiền 500 - Các khoản phải trả người bán 8000
- Các khoản phải thu 7000 - Các khoản nợ khác 1000
- Hàng tồn kho 9000 - Vốn lưu động ròng 1000
- Tài sản lưu động khác 500 - Vay Ngân hàng 7000

Tổng 17000 Tổng 17000

Hãy xác định mức cho vay tối đa của Ngân hàng, nếu chính sách tín dụng của Ngân hàng quy định vốn lưu động ròng phải tham gia tối thiểu:

A-30% Chênh lệch giữa tài sản lưu động và tài sản nợ lưu động phi Ngân hàng

B-10% so với tổng tài sản lưu động.

Đáp án: Xác định mức cho vay tối đa:

A – Vốn lưu động ròng phải tham gia tối thiểu 30% chênh lệch giữa tài sản lưu động và tài sản nợ lưu động phi Ngân hàng.

- Vốn lưu động ròng phải tham gia tối thiểu: $30\% * (17000 - 8000 - 1000) = 2400$

- Mức cho vay tối đa của Ngân hàng: $17000 - 8000 - 1000 - 2400 = 5600$

B – Vốn lưu động ròng phải tham gia tối thiểu 10% so với tổng tài sản lưu động

- Vốn lưu động ròng phải tham gia: $10\% * 17000 = 1700$

- Mức cho vay tối đa của Ngân hàng: $17000 - 8000 - 1000 - 1700 = 6300$

Tình huống 30: Có phương tài chính về nhu cầu tài sản lưu động của doanh nghiệp như sau:

Tài sản Giá trị Nguồn vốn Giá trị

- Tiền 400 - Các khoản phải trả người bán 1400
- Các khoản phải thu 3000 - Các khoản nợ khác 600
- Hàng tồn kho 800 - Vốn lưu động ròng 500
- Tài sản lưu động khác 300 - Vay Ngân hàng 2000

Tổng 4500 Tổng 4500

Chính sách tín dụng của Ngân hàng quy định: tỉ lệ số dư tiền gửi bù trừ là 10% so với hạn mức cam kết và 10% so với hạn mức sử dụng. Vốn lưu động ròng của doanh nghiệp phải tham gia: 20% chênh lệch của tài sản lưu động với vốn vay phi Ngân hàng.

Yêu cầu: Xác định hạn mức tín dụng gộp khi khách hàng được vay theo phương thức thấu chi? Quỹ cho vay ròng là bao nhiêu, nếu khách hàng sử dụng hết hạn mức tín dụng?

Đáp án:

a. Xác định hạn mức tín dụng gộp.

$$4500 - 1400 - 600 = 2500$$

b. Quỹ cho vay ròng, khi khách hàng sử dụng hết hạn mức tín dụng:

-Tiền gửi theo hạn mức: $2500 * 10\% = 250$

-Nếu sử dụng hết hạn mức thì tiền gửi theo hạn mức đã sử dụng: $2500 * 10\% = 250$

-Tổng tiền gửi bù trừ: $250 + 250 = 500$

- Quỹ cho vay ròng: $4500 - 1400 - 600 - 500 = 2000$

Nếu tính theo phương pháp hạn mức tín dụng ròng, ta có:

Mức cho vay: $4500 - 1400 - 600 - (20\% * 2500) = 2000$

Kết luận: Mức cho vay ròng là như nhau

Tình huống 31: Từ phương án vay vốn của hộ A có các số liệu sau:

a) Tổng chi phí cho vụ hè thu là: 3.600.000đ

b) Vốn tự có: (ruộng – 1ha, công cày và chăm sóc, thu hoạch, phân chuồng) 2.400.000đ hộ

A có nhu cầu vay để thực hiện chi phí thủy lợi, mau lúa giống, phân NPK, thuốc bảo vệ thực vật.

Hãy xác định mức cho vay đối với hộ này? Biết theo quy định định mức cho vay tối đa bằng 30% trong tổng doanh số thu. Sản lượng dự kiến là 5,2 tấn/ha, giá bán là 1,2 tr đồng / tấn.

Đáp án:

- Các chi vay là chấp nhận được, trừ chi phí thủy lợi chưa rõ là thủy lợi nội đồng hay tưới tiêu.

- Nhu cầu vay: $3.600.000 - 2.400.000 = 1.200.000$

- Nhu cầu vay nhỏ hơn mức cho vay: $1.200.000 < 5,2 * 1.200.000 * 0,3$

Tình huống 32: Hồ sơ vay của khách hàng X đã được đưa về loại VI, cùng lúc có tài sản đảm bảo của khách hàng có trạng thái E (trị giá phát mãi còn tương đương 20% so với dư nợ trên hồ sơ) – đồng thời thoả thuận vay nợ giữa Ngân hàng và khách hàng có sự sơ hở về mặt Pháp lý. Hãy cho biết:

A. Hồ sơ dạng VI có đặt trưng gì?

B. Đưa biện pháp xử lý với khách hàng X và bảo vệ ý kiến của mình?

Đáp án:

A. Hồ sơ dạng VI có đặc trưng như sau: là hồ sơ có tên gọi – KHÊ ĐỘNG TOÀN PHẦN.

Với đặc trưng là:

Khách hàng đang trong tình trạng xấu kinh niên (mãn tính). Cao hơn thế là có khả năng mất cả vốn lẫn lãi, thậm chí cả các khoản chi phí nếu áp dụng các biện pháp xử lý.

B – Đưa biện pháp xử lý, với trường hợp này: vào tình huống này khi tài sản đảm bảo của khách hàng thấp hơn dư nợ (20%) đồng thời thoả thuận vay nợ có sơ hở về mặt pháp lý.

Ngân hàng đang ở tình trạng yếu hơn khách hàng, nếu đưa khách hàng vào sự can thiệp pháp lý. Do vậy, thông thường Ngân hàng thường dùng giải pháp thoả hiệp, tức là chấp nhận một mức trả thấp hơn dư nợ (thoả hiệp). Ý nghĩa của hành vi này là:

+ Được thanh toán tức thời một phần nợ đã được thoả thuận – mà ra Toà chưa biết kết quả thế nào.

+ Giải phóng thời gian để tập trung vào công việc khác.

+ Tránh được dư luận không có lợi trong chiến dịch khách hàng.

Tình huống 33: Doanh nghiệp A trong kỳ có các số liệu sau:

Doanh thu thuần: 11.000

Trong đó: Giá vốn hàng bán = 80%

Các chi phí ngoài sản xuất: 1.300

Thuế lợi tức: 20% lãi ròng

Tỷ số nợ: 60%

Tổng tài sản: 10.000

Hãy xác định các chỉ tiêu sinh lợi của doanh nghiệp, điều gì sẽ xảy ra nếu tỷ số nợ giảm xuống một nửa trong khi các số liệu khác không đổi?

Đáp án:

Lãi gộp: $= 11.000 \times 20\% = 2.200$

Lãi ròng trước thuế $= 2.200 - 1.300 = 900$

Lãi ròng sau thuế $= 900 - 900 \times 20\% = 720$

Mức sinh lợi trên doanh thu – hoặc doanh lợi tiêu thụ sản phẩm.

$= \text{lợi nhuận sau thuế} / \text{Doanh thu thuần} = 720 / 11.000 = 6,5\%$

Thu nhập trên tổng tài sản $= \text{Lãi ròng sau thuế} / \text{Tổng tài sản} = 720 / 10.000 = 7,2\%$

Thu nhập trên vốn thuần – hay doanh lợi vốn tự có

$= \text{Lãi ròng sau thuế} / \text{vốn tự có} = 720 / (10.000 \times 40\%) = 18\%$

Mọi số liệu không đổi nếu tỷ số nợ giảm một nửa $= 30\%$ thì thu nhập trên vốn sẽ giảm đi $= 720 / (10.000 \times 70\%) = 10,3\%$

Tình huống 34: Phương án bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp A như sau :

KHOẢN MỤC ĐẦU KỲ CUỐI KỲ

- Tài sản lưu động

- Tài sản cố định

- Cộng tài sản

- Nợ ngắn hạn

+ Phải trả

+ Vay ngắn hạn

- Nợ dài hạn

+ Phát hành chứng khoán

+ Vay Ngân hàng

- Vốn chủ sở hữu

Cộng nguồn vốn 300

400

700

300

50
 250
 50
 50
 ...
 350
 700 400
 600
 1.000
 ?
 100
 ?
 150
 50
 100
 350
 1.000

Hãy xác định nhu cầu vay ngắn hạn trong kỳ, điền kết quả vào những ô có dấu? Và cho nhận xét về tính hợp lý của nhu cầu vay.

Đáp án:

Tăng tài sản lưu động trong kỳ : 100

Tăng tài sản cố định trong kỳ : 200

Vậy tăng tài sản trong kỳ là : 300

Nguồn đáp ứng: tăng phải trả : 50

Tăng vay dài hạn : 100

Do đó vay ngắn hạn trong kỳ tăng : 150

Dư nợ vay ngắn hạn cuối kỳ : $250 + 150 = 400$

Nhu cầu vay 150 không hợp lý vì sử dụng để tăng tài sản cố định

Tình huống 35: Ngân hàng công thương phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của công ty HUY HOÀNH về việc cung ứng hàng hóa cho doanh nghiệp thương mại Tân Hòa. Giá trị của hợp đồng là 1000 triệu VNĐ.

Tỷ lệ phạt vi phạm 10%. Hàng được giao thành 2 đợt: đợt một 40% giá trị hợp đồng, đợt hai giao nốt phần còn lại. Do công ty chậm trễ trong đợt giao hàng lần thứ hai, người thụ hưởng yêu cầu ngân hàng thực hiện cam kết bảo lãnh.

Hãy lựa chọn một trong ba mức thanh toán: 100, 60, 40 triệu VNĐ mà anh/chị cho là ngân hàng bảo lãnh phải thực hiện và giải thích.

Đáp án:

Ngân hàng sẽ thanh toán 60 triệu VNĐ cho người thụ hưởng bảo lãnh. Lý do theo điều khoản giảm thiểu trong bảo lãnh: sau khi hoàn thành đợt giao hàng lần 1, giá trị bảo lãnh giảm xuống, chỉ còn tương đương 10% giá trị hàng hóa chưa giao = $10\% * (100\% - 40\%) * 1000 \text{ triệu VNĐ}$.

Tình huống 36: Tóm tắt lưu chuyển tiền tệ quý 1 của doanh nghiệp A như sau:

Khoản mục Tháng 1 Tháng 2 Tháng 3

Thu 1.000 1.300 2.100

Chi 1.200 1.800 1.500

Dư tiền mặt đầu kỳ 50

Dư tiền mặt cuối kỳ 100 120 120

Hãy dự kiến mức vay, trả trong quý (từng tháng và lũy kế), biết dự nợ cuối năm trước chuyển qua là 130.

Đáp án: Mức vay trả trong kỳ:

= dư tiền mặt đầu kỳ + thu trong kỳ – chi trong kỳ – dư cuối kỳ

dùng công thức này tìm được tháng 1 vay 250; tháng 2 vay 520; tháng 3 trả 580. Số lũy kế

dư nợ: tháng 1 = 130 + 250 = 380; tháng 2 = 380 + 520 = 900; tháng 3 = 900 – 580 = 320.

Tình huống 37: Công ty ACC trúng thầu thực hiện một dự án tầm cỡ quốc gia. Phía chủ đầu tư yêu cầu phải có một bảo lãnh ngân hàng nhằm hạn chế rủi ro về chất lượng và thời hạn hoàn thành dự án. Theo yêu cầu của Công ty ACC, ngân hàng công thương phát hành bảo lãnh, nhưng giá trị quá lớn nên họ đề nghị ba ngân hàng khác cùng tham gia.

Hãy cho biết tên loại bảo lãnh được phát hành, các thành phần tham gia; phương thức phát hành, quá trình xử lý khi Công ty ACC vi phạm hợp đồng.

Đáp án:

Đây là loại bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Công ty ACC người được bảo lãnh, chủ đầu tư là người thụ hưởng và 4 ngân hàng tham gia là người phát hành bảo lãnh.

Phương thức phát hành là đồng bảo lãnh, trong đó ngân hàng công thương đóng vai trò là đầu mối, các ngân hàng tham gia liên đới chịu trách nhiệm trên toàn bộ giá trị bảo lãnh.

Khi Công ty ACC vi phạm hợp đồng, người thụ hưởng đòi thanh toán ở ngân hàng đầu mối, sau đó ngân hàng này truy đòi các ngân hàng thành viên. Nếu ngân hàng đi không thực hiện được thì có quyền đòi một trong các ngân hàng thành viên, ngân hàng nào trả sau đó có được quyền truy đòi các ngân hàng còn lại.

<http://TTQTAK10.VN>

1. Ngân hàng sẽ đánh giá khả năng tài chính của doanh nghiệp tốt nếu doanh nghiệp có:

- A. Tỷ lệ lợi nhuận doanh thu ROS cao hơn và hệ số thanh toán lãi vay thấp hơn mức trung bình của ngành.
- B. Tỷ lệ lợi nhuận vốn chủ sở hữu ROE cao hơn và hệ số nợ thấp hơn mức chung bình của ngành.
- C. Tỷ lệ vòng quay tài sản thấp hơn và hệ số tự tài trợ tài sản cố định cao hơn mức trung bình của ngành.
- D. Tỷ lệ vòng quay hàng tồn kho thấp hơn và hệ số nợ cao hơn mức trung bình của ngành.

2. Thời hạn cho vay

a. Là khoảng thời gian được tính từ khi khách hàng bắt đầu nhận tiền vay cho đến thời điểm khách hàng hoàn trả hết nợ gốc và lãi vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

b. Là khoảng thời gian được tính từ khi hợp đồng tín dụng có hiệu lực cho đến thời điểm khách hàng trả hết tiền gốc và lãi vay đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

c. Là khoảng thời gian được tính từ khi khách hàng bắt đầu trả nợ cho đến thời điểm hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng được ký giữa ngân hàng và khách hàng bao gồm cả thời gian gia hạn nợ

3. Tài sản dùng để bảo đảm tiền vay phải đáp ứng điều kiện nào dưới đây

- a. Tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc thuộc quyền sử dụng, quản lý hợp pháp của khách hàng vay hoặc của bên bảo lãnh
- b. Tài sản được phép giao dịch tức là tài sản mà pháp luật cho phép không cấm mua, bán, tặng cho, chuyển nhượng, chuyển đổi, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh và các giao dịch khác
- c. Tài sản không có tranh chấp về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng, quản lý của khách hàng vay hoặc bên bảo lãnh tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm
- d. Tài sản mà pháp luật quy định phải mua bảo hiểm thì khách hàng vay, bên bảo lãnh phải mua bảo hiểm tài sản trong thời hạn bảo đảm tiền vay và phải cam kết chuyển quyền hưởng tiền bồi thường từ tổ chức bảo hiểm cho ngân hàng
- e. **Tất cả các điều kiện nêu trên**

4. Ngân hàng và khách hàng thỏa thuận giá trị tài sản (thế chấp, cầm cố, bảo lãnh) và thời điểm nào?

- a. **Khi ký kết hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh**
- b. Khi khách hàng xin vay vốn
- c. Khi ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm

5 Theo quy định của pháp luật, tổng dư nợ cho vay đối với một khách hàng không vượt quá

- a. 15% vốn tự có của tổ chức vay vốn
- b. **15% vốn tự có của của tổ chức tín dụng cho vay**
- c. 15% vốn kinh doanh của tổ chức tín dụng cho vay
- d. 15% lợi nhuận hàng năm của tổ chức tín dụng cho vay.

24. Trong các loại tài sản đảm bảo dưới đây, loại nào tốt nhất đối với ngân hàng

- a. Đất có giấy tờ hợp pháp tại khu du lịch
- b. Nhà tại trung tâm thương mại của thành phố
- c. Bảo lãnh của bên thứ ba bất kỳ, kể cả của ngân hàng
- d. **Số tiết kiệm do chính ngân hàng cho vay phát hành**

25. Bạn hãy chọn nhân tố quan trọng để quyết định cho vay

- a. Tính khả thi và hiệu quả của khoản vay
- b. Doanh nghiệp có khả năng vay vốn ngân hàng khác
- c. Doanh nghiệp đầu tư sản xuất mặt hàng mới
- d. Tình hình tài chính lành mạnh
- e. a, b và c
- f. **a và d**

6. T. Hợp nhu cầu vốn của một KH vượt quá 15% vốn tự có của TCTD hoặc KH có nhu cầu huy động từ nhiều nguồn thì 1 NHTM có thể cho vay dưới hình thức nào

- a. Cho vay Ủy thác
- b. Cho vay đồng tài trợ

- c. cả a,b
- d. Không có câu nào đúng

4. Hoạt động tín dụng ngân hàng thực chất là hoạt động:

- a. Mua quyền sở hữu, bán quyền sở hữu
- b. Mua quyền sở hữu, bán quyền sử dụng
- c. Mua quyền sử dụng bán quyền sở hữu
- d. Mua quyền sử dụng bán quyền sử dụng**

11. Công thức định giá tài sản bảo đảm:

- a. Giá trị BDS = Giá trị quyền sử dụng đất + Giá trị tài sản gắn liền đất
- b. Giá trị quyền sử dụng đất = Diện tích đất * Đơn giá
- c. Giá trị tài sản gắn liền với đất = Diện tích xây dựng * Đơn giá xây dựng
- d. Cả a, b, c

3. Trường hợp một tài sản đảm bảo cho nhiều nghĩa vụ trả nợ, khi xử lý tài sản bảo đảm để thực hiện một nghĩa vụ trả nợ đến hạn thì các nghĩa vụ khác được xử lý như thế nào:

- a. Được coi là đến hạn
- b. Được coi là đến hạn và xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi
- c. Là nợ bình thường và không xử lý
- d. Chuyển nợ quá hạn

14. Theo quy định hiện hành thì tổ chức tín dụng được cho vay đối với đơn vị sự nghiệp có thu:

- a. Đúng
 - b. Sai
- Câu 4: trách nhiệm của nvtd đối với khoản vay khi nào

1. sau khi nắm thông tin, thẩm định hs
2. hoàn tất hs và giải ngân
3. hoàn thành thủ tục nghĩa vụ trả nợ
4. tất cả trên

Câu 5: NH ko cho vay đối với

1. thành viên hội đồng quản trị
2. cá nhân hộ gia đình
3. tổ chức kinh tế
4. cả 3 trên

Câu 6 : Ngân hàng ko nhận TS nào đảm bảo

1. nhà đất thuộc quyền sở hữu
2. sổ tiết kiệm do tctd phát
3. cổ phiếu của TCTD
4. trái phiếu chính phủ.

câu 9: Tổ chức TD chấm dứt cho vay trước hạn trong trường hợp

1. cung cấp thông tin sai sự thật
2. cùng lúc vay tại 2 ngân hàng
3. chậm trả nợ
4. tất cả ý trên.

Câu 10: Tài sản dùng để đảm bảo

1. 1 nghĩa vụ vay
2. Nhiều nghĩa vụ vay
3. Nhiều nghĩa vụ vay nhưng vẫn đảm bảo khả năng trả nợ.

1. Ngân hàng sẽ đánh giá khả năng tài chính của doanh nghiệp tốt nếu doanh nghiệp có:

- A. Tỷ lệ lợi nhuận doanh thu ROS cao hơn và hệ số thanh toán lãi vay thấp hơn mức trung bình của ngành.
- B. Tỷ lệ lợi nhuận vốn chủ sở hữu ROE cao hơn và hệ số nợ thấp hơn mức chung bình của ngành.
- C. Tỷ lệ vòng quay tài sản thấp hơn và hệ số tự tài trợ tài sản cố định cao hơn mức trung bình của ngành.
- D. Tỷ lệ vòng quay hàng tồn kho thấp hơn và hệ số nợ cao hơn mức trung bình của ngành.

Không phải trắc nghiệm

Câu 1: Khi thẩm định một khách hàng cá nhân thì điều kiện nào là quan trọng nhất.

+ Thẩm định khách hàng cá nhân (có thể chấp) thì tập trung chủ yếu THEO THỨ TỰ

1. Mục đích vay và kế hoạch sử dụng vốn vay
2. Khả năng trả nợ từ các nguồn thu nhập kê khai
3. Uy tín hoặc lịch sử tín dụng
4. Tài sản đảm bảo

+ Thẩm định khách hàng cá nhân tín chấp: Tập trung

1. Uy tín đơn vị công tác
2. Sự thành thật của khách hàng ngay khi làm thủ tục vay
3. Lối sống, gia đình
3. Điều tra bên ngoài (nếu có) thông qua trung tâm điều tra tín dụng